

Số: 43 /2018/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định số 2655/2014/QĐ-UBND ngày 28/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

· ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;

Căn cứ Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg ngày 15/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27/7/2014;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 12/TTr-VP ngày 06/12/2018 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 90/BCTĐ-STP ngày 30/11/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định số 2655/2014/QĐ-UBND ngày 28/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng như sau:

1. Điều 1 được sửa đổi như sau:

“1. Quy chế này quy định về công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giao trong các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình công tác, văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban

nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, (sau đây gọi tắt là văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố).

2. Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các cơ quan, tổ chức khác (sau đây gọi tắt là các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị) trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.”

2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Khoản 5 được sửa đổi như sau:

“5. Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị cập nhật nhiệm vụ, cập nhật kết quả thực hiện và tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao trên Hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử (sau đây gọi là Hệ thống) do Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố quản lý và vận hành. Cùng với việc cập nhật kết quả thực hiện nhiệm vụ, văn bản báo cáo kết quả thực hiện được gửi về Ủy ban nhân dân thành phố qua Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố;”

b) Bổ sung Khoản 6, Khoản 7 vào sau Khoản 5 Điều 2 như sau:

“6. Hệ thống được sử dụng để thống kê, theo dõi, đơn đốc nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao trong các văn bản chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố và nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao. Các đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải báo cáo bằng văn bản (đối với nhiệm vụ yêu cầu có báo cáo bằng văn bản) hoặc báo cáo “Đã thực hiện” (đối với nhiệm vụ không yêu cầu báo cáo bằng văn bản) và được xác nhận trên Hệ thống bởi Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

7. Thông tin trên Hệ thống không được dùng thay thế văn bản (bản giấy và bản điện tử) và là cơ sở để các đơn vị liên quan đối soát nhiệm vụ được giao.”

3. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Đối với các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị:

a) Trên cơ sở nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao, các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị được giao chủ trì thực hiện có trách nhiệm cập nhật, báo cáo tiến độ các công việc đã hoàn thành hoặc đang thực hiện (đối với nhiệm vụ không có hạn) trên Hệ thống bằng cách đính kèm file văn bản điện tử cùng với việc gửi văn bản

báo cáo về Ủy ban nhân dân thành phố (đối với trường hợp yêu cầu báo cáo bằng văn bản).

b) Đối với nhiệm vụ đã được cập nhật trên Hệ thống: các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị phải cập nhật, báo cáo các công việc đã hoàn thành hoặc báo cáo tiến độ đang thực hiện (đối với nhiệm vụ không có hạn) trong 01 ngày làm việc từ khi ban hành văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Trong trường hợp nhiệm vụ được giao có chồng chéo, chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị mình hoặc thời gian thực hiện nhiệm vụ không phù hợp thì phải kịp thời báo cáo, nêu rõ lý do và chuyển lại Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo xử lý theo quy định. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm điều chỉnh, cập nhật đơn vị chủ trì và thời hạn thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có).

d) Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo việc các sở, ngành, địa phương, đơn vị được giao phối hợp nhưng chậm có ý kiến hoặc không xử lý làm ảnh hưởng đến tiến độ được giao; rà soát, thống kê các văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố đã quá hạn xử lý theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố nhưng chưa có kết quả giải quyết, các công việc cần xử lý, giải quyết ngay theo yêu cầu, chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố; báo cáo thống kê gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đồng thời cập nhật thông tin trên hệ thống.

2. Đối với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Khi văn bản chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố, lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố được ban hành, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi và cập nhật nhiệm vụ cần theo dõi lên Hệ thống trong 03 ngày làm việc từ khi ban hành văn bản. Bộ phận đề xuất ban hành văn bản có trách nhiệm theo dõi và xác nhận kết quả hoàn thành của nhiệm vụ giao trong văn bản đó.

b) Khi văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đề xuất văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thực hiện cụ thể và đôn đốc, theo dõi việc thực hiện văn bản đó.

Bộ phận đề xuất ban hành văn bản có trách nhiệm cung cấp thông tin kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao tại văn bản đó về Phòng Kiểm tra, Giám sát và Thi đua khen thưởng (Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố) để cập nhật thông tin lên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi và công khai trên mạng dùng riêng của Chính phủ.”

4. Bổ sung Điều e vào Khoản 1 Điều 8 như sau:

“e) Đối với các nhiệm vụ quá 12 tháng không có kết quả mà các sở, ngành, địa phương, đơn vị không có văn bản báo cáo lý do chậm trễ, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Phòng Kiểm tra, Giám sát và Thi đua khen thưởng) có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với bộ phận theo dõi ngành kiểm tra, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xử lý trách nhiệm.”

5. Khoản 1 Điều 14 được sửa đổi như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định kiểm tra và thành lập Đoàn kiểm tra về việc tổ chức, triển khai và tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

Đối với nhiệm vụ cụ thể, căn cứ ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Phòng Kiểm tra, Giám sát và thi đua khen thưởng) tổ chức kiểm tra và báo cáo kết quả nhiệm vụ được giao với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.”

6. Khoản 1 và Khoản 2 Điều 21 được sửa đổi như sau:

“1. Trước Phiên họp thường kỳ Ủy ban nhân dân thành phố hàng tháng 01 ngày làm việc, các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có trách nhiệm rà soát, cập nhật toàn bộ kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao lên Hệ thống.

2. Trên cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Phòng Kiểm tra, Giám sát và Thi đua khen thưởng) tổng hợp, báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị tại Phiên họp thường kỳ Ủy ban nhân dân thành phố hàng tháng.”

7. Khoản 2 Điều 22 được sửa đổi như sau:

“2. Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị bố trí cán bộ đầu mối làm công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao thuộc phạm vi quản lý của mình để cập nhật kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao lên

Hệ thống. Khi thay đổi cán bộ đầu mối thì thông báo về Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố để phối hợp.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/01/2019.

2. Quyết định này bãi bỏ: Điều 1, Khoản 5 Điều 2, Điều 6, Khoản 1 Điều 14, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 21, Khoản 2 Điều 22 Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định số 2655/2014/QĐ-UBND ngày 28/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn Đại biểu QH TP;
- Như Điều 3;
- Công báo TP;
- Báo HP;
- Đài PTTH HP;
- Công TTĐT TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng chuyên môn;
- Lưu VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng